

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08-02-2021.
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng.
2. Ông Dương Ngô Phiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 08-02-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04-01-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (có mặt).

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản NL, xã XL, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: XM, xã XL, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh T có được tự nguyện tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XL vào năm 2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ham chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm lo cho gia đình, ngoài ra anh còn có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Nay chị thấy vợ chồng không T hàn gắn được, hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 23-01-2007 và cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 18-11-2012. Hiện hai cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, anh Hoàng Văn T trình bày:

Anh và chị T có được tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống cũng như khác biệt về tính cách nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay chị T xin ly hôn thì anh đồng ý vì vợ chồng anh chung sống không hạnh phúc, không T hàn gắn được nữa.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 23-01-2007 và cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 18-11-2012, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T. Về việc nuôi con: Giao cháu Hoàng Anh T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Minh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con với anh T; Anh T có hộ khẩu thường trú tại huyện Yên Thế, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XL, huyện Yên Thế. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Chị T và anh T cùng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn từ đầu năm 2020 cho đến nay, hiện nay tình cảm không còn, không T tiếp tục chung sống được nữa, chị T xin ly hôn, anh T đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- Về việc nuôi con: Chị T và anh T đều có nguyện vọng nuôi cả hai con chung. Cháu T có nguyện vọng ở với anh T, cháu K có nguyện vọng ở với chị T nên cần giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T.

3. Về việc nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 18-11-2012, giao cho anh Hoàng Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 23-01-2007. Chị T, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

4. Về tài sản, công nợ: Chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tiền án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số AA/2016/0002479 ngày 14-10-2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã XL, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang